

Bản án số: **195/2017/DS-PT**.

Ngày: 09-11-2017.

V/v T/c quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Triều**;

Bà **Ngô Thị Minh Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Phan Tân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2017/QĐPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông **Danh Xà R** (Danh Sa R), sinh năm: 1953 (có mặt);

Bà **Thị V**, sinh năm: 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện G, Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà **Trần Thị Phương M** - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn:

Ông **Danh C**, sinh năm: 1949 (xin vắng mặt);

Bà **Thị Đ**, sinh năm: 1952 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện G, Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Thạch D** - Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng E.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Lam Nhật H** - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng E - Chi nhánh I (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã L, huyện R, Kiên Giang.

Ngân hàng F.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trương Sơn Q** - Tổ trưởng khách hàng Phòng giao dịch Z (xin không tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Đường O, phường P, thành phố Z, Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Danh C, bà Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Danh Xà R (Danh Sa R) trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông là ông Danh K (chết) và bà Thị Y để lại sau năm 1975, quá trình sử dụng ông đã được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2002, diện tích 16.996m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, Kiên Giang. Trong khi sử dụng ông có đào con mương ranh, giáp đất ông Danh C làm đường thoát nước, gia đình ông xây dựng chuồng heo, còn phía ông Danh C thì cắm cọc đổ đất lấp mương. Nên đến tháng 01/2016 hai bên xảy ra tranh chấp. Nên ông yêu cầu vợ chồng ông Danh C, bà Thị Đ trả cho ông diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế ngang trước giáp lộ nông thôn 3,1m; ngang sau giáp ruộng 2,1m; chiều dài giáp đất ông Danh C 49,9m và chiều dài giáp đất của ông 49,9m, diện tích bằng 127,75m².

Bà Thị V thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Danh Xà R (Danh Sa R).

- Bị đơn ông Danh C và bà Thị Đ trình bày:

Bà Thị Đ là chị ông Danh Xà R. Về nguồn gốc đất như ông Danh Xà R trình bày. Qua quá trình sử dụng đất vợ chồng ông bà được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2002, diện tích 16.679m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, Kiên Giang. Trên phần đất này vợ chồng ông bà có đào con mương giáp đất ông Danh Xà R dùng để thoát nước ngang 04m, dài khoảng 01 công đất, phần mương để đậu ghe, phần đất vợ chồng ông bà bồi đắp thành vườn và nền nhà. Năm 1987 sau khi giải thể tập đoàn, ông R mới về đây cất nhà, sinh sống; ông R có đào con mương nối dài thêm 12m và ngang 01m. Hai bên sử dụng ổn định nhưng không có ranh. Gia đình ông R xây dựng chuồng heo. Vào khoảng tháng 01/2016 vợ chồng ông bà có mời chính quyền địa phương đến cắm ranh bằng trụ đá, sau đó vợ chồng ông bà đang lấp một phần con mương thì ông R ngăn cản nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Nay vợ chồng ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông R, vì ranh đất hai đầu của các bên đã được mẹ là bà Thị Y cắm ranh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Ngân hàng E trình bày:

Vào ngày 20/3/2017, Ngân hàng E chi nhánh I có cho vợ chồng ông Danh Xà R vay 165.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 16.996m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, Kiên Giang do UBND huyện G cấp cho vợ chồng ông R ngày 17/5/2002. Việc tranh chấp giữa các bên đương sự Ngân hàng E không có ý kiến và yêu cầu gì. Nếu các bên có yêu cầu đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng E thì phải trả cho Ngân hàng E cả vốn và lãi tại thời điểm thanh toán.

Đại diện Ngân hàng F trình bày:

Vào ngày 13/12/2016, Ngân hàng F có cho vợ chồng ông Danh C vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 12.770m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, Kiên Giang do UBND huyện G cấp cho vợ chồng ông Danh C ngày 17/5/2002. Việc tranh chấp giữa các bên đương sự, Ngân hàng F không có ý kiến và yêu cầu gì. Nếu các bên có yêu cầu đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng F thì phải trả cho Ngân hàng F cả vốn và lãi tại thời điểm thanh toán.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Danh C phải giao trả diện tích đất lấn chiếm cho vợ chồng ông Danh Xà R tại vị trí 08-09-10-11, diện tích 127,75m² theo sơ đồ đo đạc của TAND huyện G ngày 07/6/2016. Buộc bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ cừ tràm, rào chắn tại vị trí 08-09 để xác lập lại ranh giới chung. Phần đất của ông Danh Xà R và ông Danh C được xác định lại theo tờ trích đo địa chính số 154-2016.

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, xâm hại khi vợ chồng ông Danh Xà R thực hiện quyền sử dụng đất. Đồng thời, buộc vợ chồng ông Danh Xà R phải chấm dứt hành vi xả thải phân heo, gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến người sử dụng đất liền kề.

Kiến nghị UBND huyện G điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Danh Xà R và vợ chồng ông Danh C cho phù hợp với số đo và diện tích trên thực địa theo biên bản đo đạc ngày 07/6/2016.

Buộc ông Danh C có trách nhiệm hoàn trả cho ông Danh Xà R chi phí thẩm định giá và đo đạc là 4.696.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Đến ngày 07/6/2017, ông Danh C và bà Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm:**

Ông C, bà Đ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nêu trên vì ông, bà đã sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 16.679m². Trên đất ông, bà có đào con mương thoát nước giáp với đất ông R. Năm 1987, ông R mới về đây sinh sống, được một thời gian thì mẹ ông, bà Thị Y đã cắm ranh ở hai đầu của phần đất để chia cho ông, bà và ông R. Đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo: Đề nghị sửa án sơ thẩm, yêu cầu được chia một nửa con mương tranh chấp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Phần con mương tranh chấp do vợ chồng bà Thị Đ thuê người khác đào và sử dụng ổn định hơn 30 năm. Việc Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Xà R có phần con mương là không đúng thực tế sử dụng của các bên. Đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh Xà R, bà Thị V; chấp nhận kháng cáo của ông Danh C, bà Thị Đ, sửa án sơ thẩm công nhận một nửa con mương cho bị đơn là đảm bảo quyền lợi các bên. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng trong việc chưa xem xét công bồi đắp mương và cây trồng trên đất của ông Danh C, bà Thị Đ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Danh Xà R đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất và sử dụng ổn định, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện G xác định là đúng trình tự, thủ tục, đối tượng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Danh C, bà Thị Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Danh C, bà Thị Đ nhận thấy, theo sơ đồ giải thửa và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2016 thể hiện đất chiều ngang phía trước của ông R chưa tính phần tranh chấp thì thiếu 4,6m; còn đất của ông C chiều ngang phía trước chưa tính đất tranh chấp thì thừa 5,6m. Trên bờ mương, ông C có trồng dừa hiện còn 09 cây hơn 20 năm tuổi, hàng dừa

này là ranh giới được ông C xác định khi cha mẹ cho đất đến nay, nên bà Phát (mẹ của các đương sự) có lời khai yêu cầu vợ chồng ông C, bà Đ trả lại phần con mương này cho ông R. Đồng thời, bà Đ thừa nhận từ trước đến nay vợ chồng bà không sử dụng con mương này. Nên việc ông C, bà Đ tự ý cắm cọc tràm, rào đồ đất lấp mương là trái quy định, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông R, Bà V. Do vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R, Bà V là phù hợp quy định pháp luật, nên đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn ông Danh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng E xin vắng mặt; Ngân hàng F có đơn xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này vì theo Công văn số 21 ngày 27/10/2017 đại diện Ngân hàng F xác định bị đơn ông Danh C, bà Thị Đ không còn dư nợ tại Ngân hàng F. Nên Hội đồng phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông Danh C và đại diện hợp pháp của Ngân hàng E, đại diện hợp pháp của Ngân hàng F theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Danh C và bà Thị Đ thấy rằng:

Phần đất tranh chấp giữa các đương sự có diện tích theo đo đạc thực tế là 127,75m² (phần con mương, cụ thể chiều ngang trước giáp lộ nông thôn bằng 3,1m; chiều ngang sau giáp đất ruộng của ông Danh Xà R (Danh Sa R) bằng 2,1m; chiều dài giáp đất ông C bằng 49,9m; chiều dài giáp đất ông R bằng 49,9m); đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định phần đất các bên sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ bà Đ và ông R để lại sau năm 1975. Các ông, bà sử dụng ổn định, sau đó tự đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Danh Xà R (Danh Sa R) diện tích 16.996m², thuộc thửa 145, thửa 146 và cấp cho ông C (chồng bà Đ) diện tích đất 16.679m², thuộc thửa 144, thửa 147; cả hai diện tích đất này đều thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Đối chiếu hồ sơ vụ án thấy rằng: Căn cứ sơ đồ giải thửa (BL74) xác định các thửa 145, 146 đã cấp cho ông R có chiều ngang trước giáp lộ nông thôn là

49,5m. Các thửa 144, 147 cấp cho ông C có chiều ngang trước là 45,5m. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và Tờ trích đo địa chính số 154-2016 ngày 06/7/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, thể hiện: Phần đất của ông R có chiều ngang trước chưa tính phần tranh chấp là 44,90m; phần đất của ông C có chiều ngang trước chưa tính phần tranh chấp là 51,10m. Như vậy, chiều ngang phía trước phần đất của ông R chưa tính phần tranh chấp bị thiếu so với sơ đồ giải thửa là 4,6m, còn chiều ngang phía trước phần đất của ông C chưa tính phần tranh chấp đã dư so với sơ đồ giải thửa là 5,6m.

Đồng thời, trên bờ mương, ông C có trồng dừa hiện còn 09 cây hơn 20 năm tuổi, hàng dừa này là ranh giới được ông C xác định khi cha mẹ cho đất đến nay, nên bà Y (mẹ của các đương sự) có lời khai yêu cầu vợ chồng ông C, bà Đ trả lại phần con mương này cho ông R.

Xét quá trình sử dụng sử dụng phần đất tranh chấp thấy rằng: Vợ chồng ông C, bà Đ xác định vợ chồng ông, bà không sử dụng con mương tranh chấp, mà con mương tranh chấp do vợ chồng ông R, bà V sử dụng để tưới tiêu, hiện nay là xả thải.

Qua đó, không có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích đất ông C, bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời trên thực tế ông C, bà Đ cũng không sử dụng phần đất này. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông R, bà V đòi lại phần đất tranh chấp là có cơ sở để xem xét, chấp nhận. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R và bà V, buộc ông C và bà Đ tháo dỡ cừ tràm, rào chắn để trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông R, bà V là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C và bà Đ không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông, bà nên kháng cáo của ông, bà là không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh C và bà Thị Đ cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà Đ. Chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông R, bà V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện G.

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Danh C và bà Thị Đ phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Ông Danh Xà R (Danh Sa R) và bà Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng.

- **Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Danh C và bà Thị Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chi phí thẩm định giá, đo đạc: Ông Danh Xà R (Danh Sa R) đã nộp 4.696.000 đồng, nên ông Danh C và bà Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho ông Danh Xà R.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, 166 Luật đất đai 2013; Điều 247, 256, 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội .

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Danh C và bà Thị Đ.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh Xà R (Danh Sa R), bà Thị V đối với ông Danh C, bà Thị Đ.

2]. Công nhận diện tích đất 127,75m² tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tại vị trí 08-09-10-11, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và Tờ trích đo địa chính số 154-2016 ngày 06/7/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của ông Danh Xà R (Danh Sa R), bà Thị V.

Buộc vợ chồng ông Danh C, bà Thị Đ phải giao trả cho ông Danh Xà R (Danh Sa R), bà Thị V diện tích đất 127,75m² tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tại vị trí 08-09-10-11, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và Tờ trích đo địa chính số 154-2016 ngày

06/7/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, Kiên Giang. Cụ thể:

- Chiều ngang giáp lộ nông thôn cạnh 8-11 bằng 3,1m;
- Chiều ngang cạnh 9-10 bằng 2,1m;
- Chiều dài giáp đất ông Danh C cạnh 11-10 bằng 49,9m;
- Chiều dài giáp đất ông Danh Xà R (Danh Sa R) cạnh 8-9 bằng 49,9m.

3]. Buộc ông Danh C và bà Thị Đ phải tháo dỡ, di dời toàn bộ cừ tràm, rào chắn tại vị trí 08-09 để xác lập lại ranh giới chung. Phần đất của ông Danh Xà R (Danh Sa R) và ông Danh C được xác định theo Tờ trích đo địa chính số 154-2016 ngày 06/7/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện G. (Phần đất của ông Danh Xà R (Danh Sa R) được xác định tại vị trí 5-6-7-8-11-10; phần đất của ông Danh C được xác định tại vị trí 1-2-3-4-5-10-11).

Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, xâm hại khi vợ chồng ông Danh Xà R (Danh Sa R), bà Thị V thực hiện quyền sử dụng đất. Đồng thời, buộc vợ chồng ông Danh Xà R (Danh Sa R), bà Thị V phải chấm dứt hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến người sử dụng đất liền kề.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện G điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Danh Xà R (Danh Sa R) và ông Danh C cho phù hợp với số đo và diện tích đo đạc thực tế theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện G và Tờ trích đo địa chính số 154-2016 ngày 06/7/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, Kiên Giang.

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Danh C và bà Thị Đ phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng.

Ông Danh Xà R (Danh Sa R) và bà Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0005290 ngày 19/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Danh C và bà Thị Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0005258 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

- Chí phí thẩm định giá và đo đạc: Buộc ông Danh C, bà Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông Danh Xà R (Danh Sa R) chi phí thẩm định giá giá và đo đạc 4.696.000 (*Bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (09/11/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hương

